

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2020/ HNGĐ-ST  
Ngày 23/6/2020  
V/v: không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

2. Bà Lâm Thị Bích Thủy

*-Thư ký phiên tòa:* bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:* không tham gia.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 198/2020/ TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về việc không công nhận vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* anh Trần Thành Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: 166B/11, ấp Phú Mỹ, xã Đồng Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L( có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1984. Địa chỉ: 166B/11, ấp Phú Mỹ, xã Đồng Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thành Q trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Ch quen biết tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian đầu chung sống khá hòa thuận và hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được nên đã ly thân gần 05 năm. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Ch.

Con chung có 03 người: Trần Nhựt A, sinh năm 1999; Trần Ngọc Quý A, sinh năm 2000 và Trần Tuấn A, sinh ngày 04/3/2009. Các con Trần Nhựt A và Trần Ngọc Quý A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn

anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Tuấn A, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ch cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

**-Bi đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân chị thống nhất theo lời trình bày của anh Trần Thành Q, hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chị khoảng 4 đến 5 năm thì về nhà anh Q ở. Sống chung với gia đình anh Q được khoảng hơn 10 năm thì vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho nhưng chưa tách thửa sang tên. Trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra cự cãi, nguyên nhân do anh Q uống rượu về nhà gây chuyện đánh đập chị nhiều lần, chung sống không còn hạnh phúc nên chị đi làm công nhân ở tỉnh Long An từ tháng 10/2018 đến nay. Nay chị nhận thấy chung sống với anh Q không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Con chung có 03 người: Trần Nhật A, sinh năm 1999; Trần Ngọc Quý A, sinh năm 2000 và Trần Tuấn A, sinh năm 2009. Hai con Trần Nhật A và Trần Ngọc Quý A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Chị đồng ý giao con Trần Tuấn A cho anh Q nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung : không yêu cầu giải quyết

Do đi làm ăn xa nên anh Trần Thành Q và chị Nguyễn Thị Ch đều có đơn đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Anh Trần Thành Q khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ch, cư trú ấp Phú Mỹ, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Thành Q và chị Nguyễn Thị Ch đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thành Q, xét thấy:

Anh Q và chị Ch tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc và sinh được ba người con, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau, chung sống không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tại phiên hòa giải ngày 05/6/2020 anh chị nhận thấy chung sống không có hạnh phúc, không hàn gắn lại được nên thuận tình ly hôn.

Theo quy định tại điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của

Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Anh Q và chị Ch không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Ch là vợ chồng.

Về nuôi con chung: có 03 người con gồm Trần Nhật Anh, sinh năm 1999; Trần Ngọc Quý A, sinh năm 2000 và Trần Tuấn A, sinh năm 2009. Hai cháu Trần Nhật a và Trần Ngọc Quý A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Đối với Trần Tuấn A, sinh năm 2009, chị Ch và anh Q thỏa thuận giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Tuấn A cho anh Q nuôi dưỡng phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Phần cấp dưỡng nuôi con anh Q không yêu cầu.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

[3]Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Trần Thành Q phải chịu 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.**Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thành Q và chị Nguyễn Thị Ch.

**2.**Về nuôi con chung: giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 04/3/2009 cho anh Trần Thành Q trực tiếp nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con anh Quý không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3.**Về tài sản chung và nợ chung: anh Q và chị Ch không yêu cầu giải quyết.

**4.**Về án phí: buộc anh Trần Thành Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005752 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh Q đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.**Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ánh Bình**